

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 13/04/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC2557	Huỳnh Ái	Ái	25/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,0	8,0	6,0	6,67	Đạt	
2	BKNC2558	Trần Nguyễn Tuyết	Băng	02/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,0	5,0	7,0	6,33	Đạt	
3	BKNC2559	Nguyễn Thị Út	Diệu	24/04/2001	Bình Phước	5,33	4,0	5,0	1,0	3,33	Không đạt	
4	BKNC2560	Nguyễn Hải Khánh	Duy	04/10/2002	Đồng Nai	8,33	7,0	9,5	9,0	8,5	Đạt	
5	BKNC2561	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	19/05/2003	Vĩnh Long	8,67	7,0	9,5	7,0	7,83	Đạt	
6	BKNC2562	Nguyễn Quỳnh	Hoa	20/06/2003	Quảng Ngãi	6,33	8,0	7,0	2,5	5,83	Không đạt	
7	BKNC2563	Trần Thị Nhật	Kiều	04/05/2003	Bình Thuận	7,0	5,0	7,0	8,0	6,67	Đạt	
8	BKNC2564	Nguyễn Hồng	Linh	20/01/2003	Quảng Ngãi	9,33	7,0	9,0	2,0	6,0	Không đạt	
9	BKNC2565	Nguyễn Ngọc Khánh	Ly	08/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,0	9,0	2,5	6,5	Không đạt	
10	BKNC2566	Cao Trần Vĩ	Nam	25/08/2003	Đắk Lắk	4,67	8,0	6,0	1,0	5,0	Không đạt	
11	BKNC2567	Nguyễn Thanh	Ngân	01/01/2005	Lâm Đồng	7,67	9,0	9,0	8,0	8,67	Đạt	
12	BKNC2568	Trần Thanh	Ngân	27/08/2003	Vĩnh Long	8,0	8,0	9,0	7,0	8,0	Đạt	
13	BKNC2569	Lê Kim	Ngân	22/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	7,0	8,0	5,0	6,67	Đạt	
14	BKNC2570	Châu Mỹ	Ngọc	18/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,0	9,0	7,0	8,0	Đạt	
15	BKNC2571	Phạm Khánh	Ngọc	09/04/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	9,0	10,0	9,0	9,33	Đạt	
16	BKNC2572	Huỳnh Ngọc Xuân	Nhi	24/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	9,0	10,0	9,0	9,33	Đạt	
17	BKNC2573	Hoàng Thị Yến	Nhi	28/08/2003	Vĩnh Phúc	6,33	6,0	3,0	8,0	5,67	Không đạt	
18	BKNC2574	Nguyễn Quỳnh	Như	02/12/2001	Bình Định	9,67	7,0	8,5	8,0	7,83	Đạt	
19	BKNC2575	Trần Thị	Như	28/08/2004	Thanh Hóa	10,0	9,0	9,5	9,0	9,17	Đạt	
20	BKNC2576	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	Đắk Lắk	10,0	7,0	9,5	9,0	8,5	Đạt	
21	BKNC2577	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	17/02/2003	Bạc Liêu	4,67	6,0	6,0	3,0	5,0	Không đạt	
22	BKNC2578	Nguyễn Thuý	Oanh	23/02/2003	Trà Vinh	9,33	5,0	6,0	7,0	6,0	Đạt	
23	BKNC2579	Trần Ngọc	Phát	05/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	7,0	8,0	5,0	6,67	Đạt	
24	BKNC2580	Trần Bằng	Phi	10/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	7,0	7,5	1,0	5,17	Không đạt	
25	BKNC2581	Nguyễn Thị Hoài	Phương	04/02/2003	Bình Phước	8,67	6,0	5,0	6,0	5,67	Đạt	
26	BKNC2582	Nguyễn Kim	Quỳnh	14/10/2004	Quảng Ngãi	9,67	7,0	9,5	7,0	7,83	Đạt	
27	BKNC2583	Phan Ngọc	Quỳnh	26/09/1998	Gia Lai	7,67	9,0	9,5	7,0	8,5	Đạt	
28	BKNC2584	Trần Như	Quỳnh	08/09/2004	Phú Yên	9,0	8,0	8,5	9,0	8,5	Đạt	
29	BKNC2585	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	08/09/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	8,67	10,0	9,5	9,0	9,5	Đạt	
30	BKNC2586	Lê Thị Hồng	Thắm	09/10/2005	Bến Tre	9,33	8,0	9,5	9,0	8,83	Đạt	
31	BKNC2587	Đặng Hồng	Thắm	20/12/2005	Bình Định	9,67	9,0	9,0	9,0	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
32	BKNC2588	Trần Hùng	Thắng	01/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	8,0	8,0	7,0	7,67	Đạt	
33	BKNC2589	Lê Nguyễn Thị Phương	Thanh	26/10/2005	Tiền Giang	9,33	8,0	8,5	9,0	8,5	Đạt	
34	BKNC2590	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/04/2003	Quảng Ngãi	9,33	8,5	8,0	8,0	8,17	Đạt	
35	BKNC2591	Nguyễn Ngọc	Thoa	18/02/2002	Tiền Giang	6,67	9,0	8,5	7,0	8,17	Đạt	
36	BKNC2592	Lê Minh	Thư	04/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,0	7,0	7,0	7,33	Đạt	
37	BKNC2593	Chu Thị Thanh	Thương	20/07/2004	Đồng Nai	8,67	9,5	9,5	7,5	8,83	Đạt	
38	BKNC2594	Ngô Trinh Uyên	Thy	14/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,0	9,5	9,0	8,83	Đạt	
39	BKNC2595	Vương Nguyễn Nhật	Tiến	20/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,0	6,0	7,0	6,33	Đạt	
40	BKNC2596	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	12/11/2003	Đồng Nai	7,67	6,0	7,0	5,0	6,0	Đạt	
41	BKNC2597	Bùi Thị Thuỳ	Trâm	26/10/2003	Quảng Ngãi	9,67	8,0	9,0	9,0	8,67	Đạt	
42	BKNC2598	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	20/07/2003	Tây Ninh	5,33	7,0	8,0	7,0	7,33	Đạt	
43	BKNC2599	Trần Ngọc Phương	Uyên	26/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,0	9,0	8,0	8,0	Đạt	
44	BKNC2600	Trương Hoàng Mỹ	Uyên	27/05/2001	Thừa Thiên Huế	7,33	7,0	5,0	5,0	5,67	Đạt	
45	BKNC2601	Lê Thị Tuyết	Vân	19/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	9,5	5,0	5,0	6,5	Đạt	
46	BKNC2602	Nguyễn Ngọc Yên	Vy	28/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	9,0	10,0	9,5	9,5	Đạt	
47	BKNC2603	Lê Thị Kim	Xuyến	05/09/2003	Long An	5,33	4,0	6,0	2,0	4,0	Không đạt	
48	BKNC2604	Phan Nguyễn Như	Ý	01/12/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,67	8,0	8,5	5,0	7,17	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5

Số lượng thí sinh:48Số thí sinh đạt:39

Số lượng hiện diện:48

Thư ký Hội đồngChủ tịch Hội đồng

Ngô Quang NhựtThoại Nam